TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST Ngày 27/11/2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy

2. Ông Đào Xuân Tìm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1966 *(là mẹ đẻ chị Th);* địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bà Lại Thị Đ, sinh năm 1960 *(là mẹ đẻ anh T)*; địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2014 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng yêu thương nhau, anh T thường ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác và nhiều lần đánh đập chị. Nghiêm trọng nhất là vào tháng 3/2019 anh T chỉ vì ghen tuông nên đánh đập chị và bóp cổ chị và đuổi chị đi khỏi nhà, lúc đó có cả mẹ chồng chị chứng kiến. Sau đó anh T còn có cả hành vi dùng bát ném mẹ đẻ chị. Vì nghĩ đến con nên chị không báo cáo với chính quyền địa phương về hành vi đánh chị của anh T, quan hệ vợ chồng tôi ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn trầm trọng hơn, vợ chồng không còn sự tôn trọng yêu thương nhau nữa. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị và con đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã K ở từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay và anh chị chính thức ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Anh T cũng có xuống nhà bố mẹ đẻ chị xin lỗi và bảo chị quay về. Nhưng chị xác định định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên tôi không muốn quay về chung sống cùng anh T nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Hoàng Đức A, sinh ngày 17/11/2015. Hiện tại cháu đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị làm công ty may mặc GLEECO, tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng nên chị sẽ đảm bảo việc nuôi con. Bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho mẹ con chị và trông con giúp chị khi chị đi làm.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Lại Thị Đ là mẹ đẻ anh T trình bày: Trong cuộc sống vợ chồng, giữa anh T và chị Th có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu, ghen tuông nên thường đánh chị Th. Chị Th không chấp nhận được nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh T biết việc chị Th xin ly hôn, nhưng anh T nói với bà là tùy chị Th quyết định, anh T cũng không muốn níu kéo nữa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh T đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập anh T đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, chị Th giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 Bộ luật Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 17/11/2015 đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Hoàng Văn T kết hôn vào năm 2014, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T có sự nghi ngờ đối với chị Th có quan hệ với người khác và có

hành vi đánh chị Th. Anh chị đã ly thân được một thời gian, nhưng anh T cũng không có tác động gì để cải thiện quan hệ vợ chồng với chị Th. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, hòa giải; thể hiện việc anh T bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Tại phiên tòa, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th xin được ly hôn anh Hoàng Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Hoàng Văn T có một con chung là Hoàng Đức A, sinh ngày 17/11/2015. Hiện tại cháu Đức A do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân. Quá trình chuẩn bị xét xử, anh T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị Th thì thấy, cháu Đức A còn nhỏ, mới hơn 4 tuổi, vẫn cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ, chị Th có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của cháu Đức A, Toà án giao cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Toà án phải giải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 17/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản

trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0004049 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn